**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KĨ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**KHOA CHÍNH TRỊ - LUẬT**

🙠🙟🕮🙝🙢



**MÔN HỌC: PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG**

**TIỂU LUẬN CUỐI KÌ**

**CHẾ ĐỊNH ĐỒNG PHẠM THEO QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM – LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN**

**GVHD**: TS. VÕ THỊ MỸ HƯƠNG

**SVTH:**

1. Hà Sinh Cung 23133009
2. Nguyễn Ngọc Hải 23133021
3. Vũ Đức Hoàng 23133025
4. Quách Thành Khang 23133033
5. Trần Thiên Phúc 23133058
6. Nguyễn Hoàng Sơn 23133065

**Mã lớp học**: GELA220405\_23\_2\_11

**Thành phố Hồ Chí Minh, Tháng 5 năm 2024**

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN THAM GIA VIẾT TIỂU LUẬN**

*HỌC KỲ II NĂM HỌC 2023-2024*

*Tên đề tài:* Chế định đồng phạm theo quy định của bộ luật hình sự Việt Nam - Lý luận và thực tiễn

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN** | **MÃ SỐ SINH VIÊN** | **TỈ LỆ %**  **HOÀN THÀNH** |
| 1 | Hà Sinh Cung | 23133009 | 100% |
| 2 | Nguyễn Ngọc Hải | 23133021 | 100% |
| 3 | Vũ Đức Hoàng | 23133025 | 100% |
| 4 | Quách Thành Khang | 23133033 | 100% |
| 5 | Trần Thiên Phúc | 23133058 | 100% |
| 6 | Nguyễn Hoàng Sơn | 23133065 | 100% |



***Nhận xét của giáo viên***

…………………………………………………………………………………….

…………………………………………………………………………………….

…………………………………………………………………………………….

…………………………………………………………………………………….

…………………………………………………………………………………….

Điểm: ……………………………..

KÝ TÊN

*Ngày 06 tháng 5 năm 2024*

**MỤC LỤC**



[A.PHẦN MỞ ĐẦU 1](#_Toc78394476)

[1. Lí do chọn đề tài 1](#_Toc78394477)

[2. Mục tiêu nghiên cứu **2**](#_Toc78394478)

[3. Phương pháp nghiên cứu **2**](#_Toc78394479)

4. KẾT CẤU ĐỀ TÀI--------------------------------------------------------------------------------------**2**

[B.PHẦN NỘI DUNG 3](#_Toc78394480)

[**CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN VỀ CHẾ ĐỊNH ĐỒNG PHẠM** **3**](#_Toc78394481)

[**1.1. Định nghĩa và khái niệm cơ bản. 3**](#_Toc78394482)

[**1.2. Căn cứ xác định đồng phạm 3**](#_Toc78394483)

[1.2.1. Mặt chủ quan 4](#_Toc78394484)

[1.2.2. Mặt khách quan 5](#_Toc78394485)

[**1.3. Phân loại đồng phạm 6**](#_Toc78394487)

[1.3.1. Người thực hành 6](#_Toc78394488)

[1.3.2. Người tổ chức 7](#_Toc78394489)

1.3.3. Người xúi giục---------------------------------------------------------------------------7

1.3.4. Người giúp sức--------------------------------------------------------------------------8

1.4. Trách nhiệm hình sự trong đồng phạm-----------------------------------------------9

[**CHƯƠNG 2: THỰC TIỄN CỦA CHẾ ĐỊNH ĐỒNG PHẠM** **12**](#_Toc78394490)

[**2.1. Các dạng cụ thể của thực tiễn đồng phạm 12**](#_Toc78394491)

[**2.2 Quy định về bổ sung và sửa đổi bộ luật hình sự Việt Nam 2015 vè đồng phạm 13**](#_Toc78394492)

[**2.3. Thực tiễn áp dụng pháp luật vào giải quyết các vụ án có yếu tố đồng phạm 13**](#_Toc78394493)

[C.KẾT LUẬN 16](#_Toc78394495)

[PHỤ LỤC 17](#_Toc78394496)

[TÀI LIỆU THAM KHẢO 19](#_Toc78394497)

1. **PHẦN MỞ ĐẦU**

**1. Lí do chọn đề tài**

Mỗi năm, ở nước ta luôn xảy ra một số vụ án có tính chất, mức độ nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng, trong đó có sự góp sức không hề nhỏ của các đồng phạm. Những vụ án này thường có số lượng đồng phạm lớn như đánh bạc hoặc tham nhũng có tổ chức, quy mô rất lớn, được dư luận xã hội quan tâm, lên án. Đối với đồng phạm, mỗi bị cáo sẽ đóng vai trò khác nhau, thực hiện các nhiệm vụ được phân công khác nhau. Đặc biệt là sự liên kết, hỗ trợ lẫn nhau để cùng thực hiện hành vi phạm tội càng củng cố thêm cho quyết tâm phạm tội của họ. Điều đó khiến chúng ta nhận ra sự nguy hiểm của loại tội phạm này dưới hình thức là đồng phạm. Vì vậy, việc đấu tranh để phòng chống loại tội phạm này là một công việc thường xuyên và lâu dài, luôn được Đảng và Nhà nước ta quan tâm và chú trọng.

Trong mỗi vụ án xảy ra, vấn đề ta thường quan tâm nhất là vụ việc gì, kẻ đứng sau vụ án đó là ai, thực hiện hành vi phạm tội gì? Bên cạnh đó, còn có một yếu tố nữa cũng không kém phần quan trọng, thường xảy ra đối với những vụ án có quy mô, tổ chức, đó chính là đồng phạm. Khi thực hiện hành vi phạm tội, mỗi người đồng phạm không những cố ý với hành vi phạm tội mà còn mong muốn cùng tham gia với những người đồng phạm khác. Từ đấy, hình thành nên sự cấu kết chặt chẽ về tổ chức cũng như cách thức hoạt động và rất khó để phát hiện. Vì vậy, chế định đồng phạm là một vấn đề hết sức quan trọng, gỡ rối những khó khăn trong quá trình điều tra, xử lí các vụ án hình sự, đặc biệt là truy cứu trách nhiệm hình sự về đồng phạm. Trong quá trình tú tụng, phải xét xử đúng người, đúng tội, đúng mức độ, tránh đưa ra hình phạt quá nặng hoặc quá nhẹ đối với từng người phạm tội, không bảo vệ được quyền lợi của nhà nước, tổ chức, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Đồng thời, chế định này còn nâng cao hiệu quả phòng ngừa tội phạm, nâng cao nhận thức của người dân, từ đó răn đe, phòng ngừa các hành vi phạm tội do nhiều đồng phạm cấu thành. Đây là vấn đề có ý nghĩa quan trọng cả về lý luận và thực tiễn.

Trên đây là những yếu tố để nhóm quyết định chọn đề tài:”Chế định đồng phạm theo quy định của bộ luật hình sự Việt Nam – Lý luận và thực tiễn”.

**2. Mục tiêu nghiên cứu**

Bài tiểu luận tập trung việc nghiên cứu các quy định của pháp luật hình sự về đồng phạm gồm bản chất, tính chất và mức độ nguy hiểm của đồng pham. Qua đó, đánh giá để có cái nhìn rõ hơn về đồng phạm, trách nhiệm hình sự mà nhóm này phải chịu và thực tiễn xử lí về đồng phạm. Đồng thời đề xuất, bổ sung, góp ý cho chế định đồng phạm của bộ luật hình sự để bộ luật ngày càng hoàn thiện.

**3. Phương pháp nghiên cứu**

Về Phương pháp luận: Bài tiểu luận này dựa trên cơ sở lý luận với phép biện chứng duy vật của chủ nghĩa Mác Lê-Nin và các quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước.

Về Phương pháp nghiên cứu: Bên cạnh phương pháp luận thì bài tiểu luận còn sử dụng thêm một số phương pháp nghiên cứu khác như phương pháp tổng hợp, phân tích - chứng minh,…Phương pháp tổng hợp được dùng để khái quát hóa nội dung một cách có hệ thống, từ đó làm cho vấn đề được ngắn gọn, dễ hiểu, dễ tiếp cận. Phương pháp phân tích – chứng minh để sử dụng để làm rõ, làm sáng tỏ nội dung, các quan điểm để từ đó có những nhận định, góc nhìn đối những vấn đề nghiên cứu.

**4. Bố cục đề tài**

Tiểu luận được trình bày với nội dung gồm 2 chương chính:

Chương 1: Lý luận về chế định đồng phạm

Chương 2: Thực tiễn của chế định đồng phạm

**B.** **PHẦN NỘI DUNG**

**CHƯƠNG 1**

**LÝ LUẬN VỀ CHẾ ĐỊNH ĐỒNG PHẠM**

* 1. **Định nghĩa và khái niệm cơ bản**

Đồng phạm, theo quy định của Bộ luật Hình sự Việt Nam, là tình trạng mà “có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm”, trích Theo khoản 1 Điều 17 [Bộ luật Hình sự 2015](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Trach-nhiem-hinh-su/Bo-luat-hinh-su-2015-296661.aspx" \t "_blank) ([sửa đổi, bổ sung 2017](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Luat-sua-doi-Bo-luat-Hinh-su-2017-354053.aspx" \t "_blank)) (1). Đồng phạm bao gồm người tổ chức, người thực hành, người xúi giục và người giúp sức. Trong tình huống này, mỗi người đều đóng một vai trò, có một mức độ tham gia nhất định vậy nên mỗi người có thể chịu trách nhiệm hình sự tương ứng.

Đồng phạm không chỉ đơn thuần là sự tham gia của nhiều người vào một tội phạm, mà còn liên quan đến mức độ tham gia và mức độ trách nhiệm của mỗi người. Điều này nghĩa là không phải tất cả những người tham gia vào một tội phạm đều được xem là đồng phạm. Chỉ những người tham gia vào tội phạm với ý định và mục đích cụ thể mới được xem là đồng phạm. Người nào cùng tham gia phạm tội với người khác mà trước, trong hoặc sau khi phạm tội đã có hành vi giúp đỡ, tạo điều kiện cho người khác phạm tội thì bị xem là đồng phạm.

Đồng phạm là một khái niệm phức tạp và đa diện, liên quan đến nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm ý định, hành vi, mức độ tham gia và mức độ trách nhiệm. Để hiểu rõ hơn về đồng phạm, chúng ta cần phân tích từng yếu tố một cách chi tiết và cẩn thận. (1)

* 1. **Căn cứ xác định đồng phạm**

Căn cứ xác định đồng phạm bao gồm hai mặt: mặt chủ quan và mặt khách quan. Mặt chủ quan liên quan đến ý định và mục đích của các bên tham gia, trong khi mặt khách quan liên quan đến hành vi thực tế của các bên.

* + 1. **Mặt chủ quan**

Mặt chủ quan của đồng phạm liên quan đến ý định và mục đích của các bên tham gia. Điều này có nghĩa là, để xác định một người là đồng phạm, người đó phải có ý định cùng phạm tội với người khác, nhận thức được hành vi của người khác trong số những người thực hiện là hành vi gây nguy hiểm cho xã hội. Họ cần phải hiểu rõ hành vi của mình và hậu quả có thể xảy ra.

- Dấu hiệu lỗi

Về lí trí: Lỗi về lí trí thường xuất hiện khi một người không nhận thức đúng về hành vi phạm tội của mình. Họ có thể không biết rằng hành vi của họ là bất hợp pháp, hoặc họ có thể hiểu sai về mức độ nghiêm trọng của hành vi đó. Trong trường hợp này, người đó có thể không được xem là đồng phạm vì họ không có ý định phạm tội. Còn trong trường hợp người nhận thức được tính nguy hiểm hành vi của mình, hành vi người khác là nguy hiểm và thấy trước hậu quả của mình gây ra cho xã hội thì họ là đồng phạm.

Về ý chí: Lỗi về ý chí xuất hiện khi một người không có ý định phạm tội. Họ có thể đã tham gia vào hành vi phạm tội mà không hề biết, hoặc họ có thể đã bị ép buộc tham gia. Trong trường hợp này, người đó có thể không được xem là đồng phạm vì họ không có ý định phạm tội. “Những người cùng mong muốn có hoạt động chung và cùng mong muốn hoặc để mặc cho hậu quả xảy ra thì họ có dấu hiệu đồng phạm” (2).

- Dấu hiệu mục đích phạm tội

Mục đích phạm tội là một yếu tố quan trọng để xác định đồng phạm. Nếu một người tham gia vào hành vi phạm tội với mục đích cụ thể, họ có thể được xem là đồng phạm. Mục đích này có thể là cá nhân, cho một nhóm người, hoặc bất kỳ mục đích nào khác mà người đó coi là quan trọng. Điều quan trọng là người đó phải nhận thức rõ về mục đích của mình và hành động theo cách mà họ cho là phù hợp để đạt được mục đích đó. Nếu một người không có mục đích phạm tội, họ có thể không được xem là đồng phạm, ngay cả khi họ đã tham gia vào hành vi phạm tội.

Trong một tội phạm, mỗi người tham gia có thể đóng vai trò khác nhau và mức độ tham gia cũng khác nhau. Tuy nhiên, điểm chung là họ đều có ý định và mục đích phạm tội. Ý định ở đây không chỉ đơn thuần là ý muốn phạm tội, mà còn phải có sự nhận thức về hành vi phạm tội và hậu quả của nó.

Ví dụ, nếu A và B cùng nhau lên kế hoạch và thực hiện một vụ cướp, thì họ có thể được xem là đồng phạm vì họ cùng có ý định phạm tội. Ngay cả khi A chỉ đóng vai trò là người giám sát thám thính, trông coi ngoài nhà để cho B là người thực hiện hành vi cướp, họ vẫn có thể bị xem là đồng phạm vì họ đều nhận thức rõ về hành vi của mình và hậu quả xảy ra.

Tóm lại, mặt chủ quan của đồng phạm liên quan đến ý định và mục đích của các bên tham gia. Để xác định một người là đồng phạm, người đó phải có ý định cùng phạm tội với người khác và nhận thức rõ về hành vi và hậu quả của mình.

* + 1. **Mặt khách quan**

Mặt khách quan của đồng phạm liên quan đến hành vi thực tế của các bên. Điều này có nghĩa là, dù có ý định hay không, nếu một người đã tham gia vào hành vi phạm tội, họ có thể được xem là đồng phạm. “Điều 17 Bộ luật Hình sự 2015[, sửa đổi, bổ sung 2017](https://luatminhkhue.vn/bo-luat-hinh-su-sua-doi--bo-sung-nam-2017--.aspx) quy định trong vụ án đồng phạm phải có từ hai người trở lên, những người này đều phải có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đủ độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự.” (2). Điều này bao gồm việc thực hiện hành vi phạm tội hoặc giúp đỡ người khác thực hiện hành vi đó.

Trong một tội phạm, mỗi người tham gia có thể đóng vai trò khác nhau. Ví dụ, một người có thể là người chủ mưu, người thực hiện hành vi phạm tội, người xúi giục người khác phạm tội hoặc người giúp sức. Tuy nhiên, dù vai trò của họ có khác nhau như thế nào, họ đều có thể bị xem là đồng phạm nếu họ đã tham gia vào hành vi phạm tội.

Điều quan trọng là hành vi của họ phải có mối liên hệ trực tiếp đến tội phạm. Nếu một người chỉ biết về kế hoạch phạm tội nhưng không tham gia vào việc thực hiện nó, họ không thể bị xem là đồng phạm. Ngược lại, nếu một người không biết về kế hoạch nhưng đã giúp sức cho việc thực hiện tội phạm (ví dụ lái xe trốn thoát nhận hối lộ), họ có thể bị xem là đồng phạm. Mặt khách quan của đồng phạm liên quan đến hành vi thực tế của các bên. Để xác định một người là đồng phạm, người đó phải tham gia vào hành vi phạm tội, dù có ý định hay không.

**1.3. Phân loại đồng phạm**

Căn cứ vào tính chất tham gia của mỗi người trong đồng phạm, tại khoản 3 Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 (BLHS 2015) (3) đã quy định có 04 loại người đồng phạm đó là: người tổ chức, người thực hành, người xúi giục và người giúp sức.

**1.3.1. Người thực hành:**

Theo quy định của khoản 3 điều 17 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017, *"Người thực hành là người trực tiếp thực hiện tội phạm"*. Người thực hành có vai trò quyết định trong việc thực hiện tội phạm. Dù là ở hình thức đồng phạm đơn giản hay phức tạp, luôn phải có người thực hành. Xét về dấu hiệu khách quan, người thực hành chính là người trực tiếp thực hiện hành vi được mô tả trong cấu thành tội phạm cụ thể. Hành vi của họ có thể là hành vi thỏa mãn một phận hoặc toàn bộ dấu hiệu được mô tả trong cấu thành tội phạm cụ thể. "Trực tiếp thực hiện tội phạm" là đặc điểm để phân biệt người thực hành với những người đồng phạm khác.

Những người đồng phạm khác chỉ có mối quan hệ gián tiếp đối với việc thực hiện hành vi được mô tả trong cấu thành tội phạm cụ thể mà không trực tiếp thực hiện tội phạm. Họ đã có tác động, ảnh hưởng đến việc thực hiện tội phạm cụ thể bằng hành vi tổ chức, xúi giục hay giúp sức việc thực hiện hành vi được mô tả trong cấu thành tội phạm cụ thể của người thực hành. Có thể thấy, điều luật quy định về người thực hành mới chỉ thừa nhận một dạng người thực hành, tức là người thực hành tự mình thực hiện tội phạm. Tuy nhiên, ngoài việc tự mình thực hiện tội phạm, người thực hành còn thực hiện tội phạm thông qua hành vi của người khác. Dạng người thực hiện hành vi này vẫn được thừa nhận nhưng khác biệt ở chỗ người kia không phải chịu trách nhiệm hình sự cùng với người thực hành vì những lý do khác nhau như không có lỗi hoặc không có lỗi cố ý do sai lầm, không có đủ điều kiện của chủ thể - chưa đạt độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự hoặc tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự,...

Thay vì trực tiếp tự mình thực hiện hành vi được mô tả tỏng cấu thành tội phạm cụ thể, người thực hành dạng này đã có hành vi tác động đến người khác để người này thực hiện hành vi hay sử dụng người khác như một công cụ, lợi dụng người khác để thực hiện hành vi được mô tả trong cấu thành tội phạm cụ thể mà người này lại không phải chịu trách nhiệm hình sự. Để tạo cơ sở đầy đủ cho việc xây dựng cấu thành tội phạm của hành vi thực hành cũng như xác định người thực hành trong đồng phạm, theo học viên, cần thiết phải bổ sung quy định cụ thể về dạng người thực hành không tự mình thực hiện tội phạm vào quy định về người thực hành trong điều 17 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017. Bên cạnh đó, nếu không có người thực hành thì tội phạm chỉ dừng lại ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội, chưa thực hiện được mục đích tội phạm, chưa xảy ra hậu quả của tội phạm và tất nhiên vấn đề trách nhiệm hình sự của những người đồng phạm khác sẽ chỉ em xét ở mức độ chuẩn bị phạm tội theo quy định tại điều 14 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017.

Xét về dấu hiệu chủ quan, người thực hành có lỗi cố ý (cùng cố ý) với hành vi thực hiện hành vi khách quan của cấu thành tội phạm cụ thể hoặc khi có hành vi lợi dụng hoặc sử dụng người khác để người này trực tiếp thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội. Khi thực hiện tội phạm, người thực hành đã ý thức được hành vi nguy hiểm cho xã hội của mình cũng như hậu quả do hành vi đó gây ra, nhận thức được hành vi tác động, hỗ trợ hay sử dụng người khác để thực hiện tội phạm của những người đồng phạm khác trong việc thực hiện tội phạm chung, nhận thức được hậu quả chung. Trong ý chí của người thực hành là mong muốn hoặc có ý thức bỏ mặc cho hậu quả phạm tội xảy ra.

**1.3.2. Người tổ chức:**

Người tổ chức là người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy việc thực hiện tội phạm (khoản 3 Điều 17 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017).

Người tổ chức là người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy việc thực hiện tội phạm. Trên thực tế cho thấy, người tổ chức có thể chỉ giữ vai trò là người cầm đầu hoặc chủ mưu hoặc chỉ huy nhóm đồng phạm, nhưng cũng có thể họ vừa chủ mưu, cầm đầu, vừa chỉ huy nhóm đồng phạm thực hiện tội phạm.

Trong số những người đồng phạm, người tổ chức thường được coi là người nguy hiểm nhất. Do vậy, hình thức đối với người tổ chức thường nghiêm khắc hơn những người đồng phạm khác. Phản ánh tính nguy hiểm cao của người đồng phạm với vai trò người tổ chức, điều 3 Bộ luật hình sự quy định nguyên tắc xử lý là “Nghiêm trị người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy, ngoan cố chống đối,…”.

**1.3.3. Người xúi giục:**

Người xúi giục là người kích động, dụ dỗ, thúc đẩy người khác thực hiện tội phạm (khoản 3 Điều 17 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017).

Người xúi giục là người có hành vi tác động đến ý thức, tư tưởng của người khác làm cho người bị xúi giục thực hiện tội phạm. Người xúi giục có thể là người đã nghĩ ra việc phạm tội và đã xúi giục người khác tham gia vào việc phạm tội đó. Cũng có thể người xúi giục chỉ có hành vi kích động, thúc đẩy người khác vố đã có ý định phạm tội nhưng chưa thực hiện tội phạm để họ đưa ra quyết định thực hiện tội phạm trên thực tế.

Người xúi giục có thể vừa xúi giục người khác thực hiện tội phạm vừa trực tiếp tham gia thực hiện tội phạm với người bị xúi giục.

Hành vi này được thể hiện ở đặc điểm:

+ Hành vi xúi giục phải trực tiếp, nghĩa là phải trực tiếp tác động vào một hoặc một số người nhất định nhằm gây ra một tội phạm nhất định. Những lời kêu gọi, hô hào chung chung, không hướng tới những người xác định, không trực tiếp nhằm thực hiện một tội phạm nhất định thì không phải là hành vi xúi giục.

+ Hành vi này phải cụ thể, nghĩa là phải hướng tới việc thực hiện một tội phạm nhất định. Việc truyền bá, phổ biến những tư tưởng xấu cho một người hoặc một số người khiến những người này đi vào con đường phạm tội phải là hành vi xúi giục trong đồng phạm.

+ Lỗi phải là lỗi cố ý trực tiếp.

Tuy nhiên, những thủ đoạn này được sử dụng để tác động đến tư tưởng và ý chí của người khác để người này đi đến tự ý quyết định và thực hiện một tội phạm cụ thể. Cấn phân biệt với trường hợp người thực hành không tự mình thực hiện tội phạm, sử dụng thủ đoạn tác động người khác để lợi dụng họ, coi họ như công cụ phạm tội. Hành vi xúi giục phải cụ thể, nhắm vào đối tượng nhất định. nếu hành vi đó chỉ là những lời nói, kêu gọi, thông báo, mang tính gợi ý chung chung hay hành vi phổ biến, gieo rắc tư tưởng cấu mà không có mục đích thúc đẩy người khác thực hiện tội phạm cụ thể thì không phải là hành vi xúi giục, có thể cấu thành tội phạm độc lập khác như tội dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người dưới 18 tuổi phạm pháp theo điều 325 bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

**1.3.4. Người giúp sức:**

Người giúp sức là người tạo điều kiện tinh thần hay vật chất cho việc thực hiện tội phạm (khoản 3 Điều 17 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017).

Theo định nghĩa trên, người giúp sức là người tạo điều kiện cho người thực hành để họ thực hiện tội phạm. Điều kiện giúp người thực hành thực hiện tội phạm có thể là điều kiện vật chất hoặc điều kiện tinh thần.

Trong thực tế, giúp sức vê vật chất có thể là cung cấp công cụ, phương tiện hoặc khắc phục những trở ngại đối với việc thực hiện tội phạm... để tạo điều kiện cho người thực hành thực hiện tội phạm được dễ dàng, thuận lợi hơn.

Giúp sức về tinh thần là cung cấp những gì tuy không có tính vật chất nhưng cũng tạo cho người thực hành điều kiện thuận lợi hơn trong việc thực hiện tội phạm như chỉ dẫn, góp ý cho việc chuẩn bị, việc thực hiện hoặc việc che giấu tội phạm; cung cấp tình hình nơi tội phạm được thực hiện hoặc tình hình về nạn nhân V.V..

Thông thường, hành vi giúp sức được thực hiện dưới dạng hành động nhưng cũng có thể có trường hợp dưới dạng không hành động. Đó có thể là trường hợp của người có nghĩa vụ pháp lí phải hành động nhưng đã cố ý không hành động và qua đó đã loại trừ trở ngại khách quan ngăn cản việc thực hiện tội phạm của người trực tiếp thực hiện tội phạm, tạo điều kiện cho người đó có thể thực hiện hoặc tiếp tục thực hiện tội phạm được đến cùng. Ví dụ A khi đang làm nhiệm vụ bảo vệ đã phát hiện ra B là bạn mình đang mang tài sản vừa lấy được trong kho của cơ quan ra khỏi khu vực cơ quan nhưng đã không bắt giữ mà để cho B tiếp tục thực hiện hành vi đó.

Hành vi giúp sức nói chung thường được thực hiện trước khi người thực hành thực hiện tội phạm nhưng cũng có trường hợp người giúp sức tham gia khi tội phạm đang được thực hiện.

Hành vi bàn bạc, góp ý của người giúp sức có thể bị nhầm lẫn với hành vi xúi giục. Người giúp sức khác người xúi giục ở chỗ hành vi giúp sức không có tính chất quyết định trong việc thúc đẩy người khác phạm tội. Họ chỉ “giúp” người khác đã có ý định phạm tội có thêm điều kiện thuận lợi để thực hiện tội phạm hoặc yên tâm hơn khi thực hiện tội phạm.

**1.4.Trách nhiệm hình sự trong đồng phạm**

**1.4.1.Trách nhiệm hình sự trong đồng phạm là gì?**

Trách nhiệm hình sự là một dạng trách nhiệm pháp lý. Là trách nhiệm của người khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong pháp luật hình sự bằng một hậu quả bất lợi do Tòa án áp dụng tùy thuộc vào tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi mà người đó thực hiện. Trách nhiệm hình sự trong đồng phạm cũng là hậu quả pháp lý bất lợi đối với những người đồng phạm khi họ cùng thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội. Tương ứng với vai trò, tính chất, mức độ tham gia khi thực hiện tội phạm.

Việc xác định trách nhiệm hình sự cho người đông phạm phải dựa trên hành vi cụ thể của mỗi người do trách nhiệm hình sự là trách nhiệm cá nhân, mỗi cá nhân sẽ có những mức độ trách nhiệm hình sự khác nhau. Chính vì vậy, khi xác định trách nhiệm hình sự trong đồng phạm cần phải tuân thủ các nguyên tắc theo quy định của Bộ luật hình sự năm 2015.

**1.4.2.Nguyên tắc xác định trách nhiệm hình sự trong đồng phạm**

*Nguyên tắc xác định trách nhiệm hình sự chung:* Theo đó, mọi đồng phạm đều bị áp dụng nguyên tắc chung về toàn bộ tội phạm đã xảy  thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự và nguyên tắc xác định hình phạt. Nguyên tắc này có được do tính chất liên kết hành vi cùng thực hiện một tội phạm, hành vi của mỗi người đồng phạm đều là nguyên nhân gây ra hậu quả tác hại. Chính vì lẽ đó mà Bộ luật Hình sự đã quy định chung là tất cả những người đồng phạm đều bị truy tố, xét xử về một tội phạm mà họ thực hiện, đều bị áp dụng hình phạt của tội phạm mà tất cả những người đồng phạm cùng thực hiện.

*Nguyên tắc độc lập của trách nhiệm hình sự trong đồng phạm*: Trong đồng phạm, mỗi người phải chịu trách nhiệm chung về cùng tội phạm mà họ cùng thực hiện nhưng Bộ luật Hình sự quy định thêm rằng mỗi người đồng phạm lại đều phải chịu trách nhiệm hình sự độc lập đối với hành vi phạm tội của mình. Bởi lẽ, trách nhiệm hình sự là trách nhiệm cá nhân nên việc xác định trách nhiệm hình sự cho mỗi người đồng phạm vẫn phải dựa trên cơ sở hành vi cụ thể của mỗi người. Điều này thể hiện ở chỗ, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội đến đâu thì áp dụng trách nhiệm đến đó. Người đồng phạm này không phải chịu trách nhiệm hình sự về sự vượt quá của người đồng phạm khác. Trên thực tế, hành vi vượt quá thường được hiểu là hành vi của người thực hành.

*Nguyên tắc cá thể hóa trách nhiệm hình sự của những người đồng phạm*: Trong vụ án đồng phạm, mặc dù tất cả các bên tham gia đều phạm cùng một tội, nhưng mức độ tham gia và tính chất của hành vi của mỗi cá nhân có thể khác nhau. Do đó, trách nhiệm hình sự của từng người cần được xác định riêng biệt. Để thể hiện nguyên tắc này, luật hình sự Việt Nam thiết lập chính sách hình phạt “Nghiêm trị kết hợp với khoan hồng”. Chính sách này được áp dụng để nghiêm trị đối với những người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy và những người ngoan cố chống đối. Tuy nhiên, cũng có sự khoan hồng đối với những người tự thú, khai báo thành khẩn, hoặc hợp tác để phát hiện và lập công chuộc tội. Chính sách này được thể hiện rõ trong quá trình xử lý các vụ đồng phạm, đặc biệt là trong các vụ án đặc biệt nguy hiểm liên quan đến an ninh quốc gia, khi một số người có thể đã phạm tội khi bị lừa dối hoặc ép buộc.

Căn cứ để xác định vụ án có đồng phạm :

Thứ nhất: Căn cứ khách quan gồm căn cứ vào số lượng người tham gia trong vụ án, tính liên kết về hành vi cùng thực hiện một tội phạm và hậu của do vụ án đồng phạm gây ra.

+ Căn cứ và số lượng người trong vụ án: Điều 20 Bộ luật hình sự quy định trong vụ án đồng phạm phải có từ hai người trở lên. Những người đồng phạm này đều phải có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đủ độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật hình sự.

+ Căn cứ vào tính liên kết về hành vi: Các bên trong vụ án đồng phạm phải cùng hợp tác để thực hiện một hành vi phạm tội. Hành động của mỗi người trong nhóm này liên kết chặt chẽ với hành vi của những người khác. Tất cả những người đồng phạm đều phải hướng về cùng một tội phạm, tạo điều kiện và hỗ trợ cho nhau để thực hiện hành vi phạm tội một cách thuận lợi. Nói một cách khác, hành vi của mỗi thành viên trong nhóm là bước đệm cho hành động của người khác. Hành động của tất cả các bên trong vụ án đồng phạm đều góp phần tạo ra hậu quả tiêu cực của tội phạm.

+ Căn cứ vào hậu quả tác hại: Hậu quả tiêu cực do tội phạm gây ra trong vụ án đồng phạm là kết quả chung do tất cả những người tham gia trong nhóm gây ra. Hành vi của mỗi người trong vụ án đều đóng góp vào việc tạo ra kết quả này, dù có người gây ra hậu quả trực tiếp và có người gây ra hậu quả gián tiếp. Đây là một đặc điểm về quan hệ nhân quả trong các vụ án đồng phạm.

Thứ hai: Căn cứ vào mặt chủ quan của tội phạm. Tất cả những người tham gia trong vụ án đồng phạm đều có ý định thực hiện một hành vi phạm tội. Họ đều nhận thức rõ rằng hành động của tất cả những người trong nhóm đều có thể gây nguy hiểm cho xã hội. Mỗi người trong nhóm đồng phạm đều nhận thức được tính nguy hiểm của hành vi của họ và của những người khác trong nhóm, đồng thời nhận thức được rằng hành động của tất cả các thành viên đồng phạm là nguyên nhân dẫn đến hậu quả tiêu cực.

**CHHƠNG 2**

**THỰC TIỄN CỦA CHẾ ĐỊNH ĐỒNG PHẠM**

**2.1.Các dạng cụ thể của thực tiễn đồng phạm**

Trong pháp luật hình sự, khái niệm đồng phạm có thể được hiểu là nhiều người cùng tham gia phạm tội và ở đây có thể nhận biết được có ba dạng cơ bản của thực tiễn đồng phạm:

Thứ nhất đó là về đồng phạm đơn giản: Đây là trường hợp được xem có hai hoặc nhiều người cùng thực hiện một tội phạm mà không có sự phân chia rõ ràng về vai trò, mục đích của từng người. Tất cả những người tham gia đều có vai trò và hành vi như nhau trong việc thực hiện hành vi phạm tội và đều phải chịu trách nhiệm hình sự như nhau.

Ví dụ: A và B cùng quyết định cướp một cửa hàng. Cả hai người cùng vào cửa hàng và cùng thực hiện hành vi cướp (ví dụ như A giữ người quản lý trong khi B lấy tiền). Trong trường hợp này, cả A và B cùng tham gia thực hiện hành vi cướp một cách trực tiếp và đều có vai trò như nhau.

Thứ hai là đồng phạm phức tạp: Đây là trường hợp có một nhóm người cùng thực hiện tội phạm nhưng vai trò của từng người trong nhóm được phân chia rõ ràng và có mức độ khác nhau. Trong trường hợp này, các vai trò bao gồm:

Người chủ mưu: Là người lập kế hoạch, điều phối và chỉ đạo việc thực hiện tội phạm.

Người giúp sức: Là người hỗ trợ việc thực hiện tội phạm bằng cách cung cấp phương tiện, công cụ, hoặc giúp đỡ dưới một hình thức nào đó.

Người xúi giục: Là người thúc đẩy hoặc khuyến khích người khác thực hiện tội phạm.

Người thực hành: Là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội.

Ví dụ: Trong một vụ cướp ngân hàng, C là người chủ mưu lên kế hoạch và chỉ đạo toàn bộ quá trình cướp. D là người giúp sức, hỗ trợ bằng cách lái xe đưa các đồng phạm tới hiện trường và chờ sẵn để giúp họ tẩu thoát. E là người thực hành, trực tiếp vào ngân hàng và cướp tiền từ két sắt. F là người xúi giục, thuyết phục và khuyến khích C, D và E thực hiện vụ cướp. Trong trường hợp này, các vai trò của C, D, E, và F được phân chia rõ ràng và khác nhau.

Và thứ ba là về đồng phạm theo hình thức khác: Ở trường hợp này nó có thể bao gồm việc rủ rê, lôi kéo người khác tham gia vào việc thực hiện tội phạm, hoặc những người chỉ tham gia với vai trò phụ trợ như hỗ trợ hậu cần hoặc cung cấp thông tin.

Ví dụ: G là người rủ rê và lôi kéo H tham gia vào việc buôn bán ma túy. G thuyết phục H rằng việc buôn bán ma túy là cách kiếm tiền nhanh chóng và dễ dàng. H đồng ý và tham gia vào việc buôn bán ma túy cùng G. Trong trường hợp này, G là người rủ rê H tham gia vào việc phạm tội.

**2.2.Quy định về bổ sung và sửa đổi bộ luật hình sự Việt Nam 2015 về đồng phạm.**

Trong pháp luật hình sự, trách nhiệm hình sự của những người tham gia trong thực tiễn đồng phạm có thể khác nhau tùy thuộc vào mức độ tham gia và vai trò cụ thể của mỗi người trong hành vi phạm tội. Điều này thường được quy định rõ ràng trong các quy định pháp luật về đồng phạm của mỗi quốc gia, đặc biệt là ở Việt Nam.

Theo bộ luật Hình sự Việt Nam 2015 đã được sửa đổi và bổ sung bởi Luật số 100/2015/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2015 và Luật số 12/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017. Về quy định liên quan đến đồng phạm, các quy định trong Bộ luật Hình sự có những điểm cơ bản sau:

Đồng phạm (theo điều 17 của Bộ luật Hình sự):

Đồng phạm là trường hợp có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm.

Phạm tội có tổ chức là hình thức đồng phạm có sự câu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm.

Người đồng phạm bao gồm người tổ chức, người thực hành, người xúi giục, người giúp sức. Trong đó:

Người thực hành là người trực tiếp thực hiện tội phạm.

Người tổ chức là người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy việc thực hiện tội phạm.

Người xúi giục là người kích động, dụ dỗ, thúc đẩy người khác thực hiện tội phạm.

Người giúp sức là người tạo điều kiện tinh thần hoặc vật chất cho việc thực hiện tội phạm.

Người đồng phạm không phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi vượt quá của người thực hành. (4)

Điều 58. Quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm

Khi quyết định hình phạt đối với những người đồng phạm, Tòa án phải xét đến tính chất của đồng phạm, tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng người đồng phạm.

Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng hoặc loại trừ trách nhiệm hình sự thuộc người đồng phạm nào, thì chỉ áp dụng đối với người đó. (5)

Bộ luật Hình sự năm 2015 với những bổ sung và sửa đổi đã quy định rõ ràng và cụ thể hơn về đồng phạm, giúp đảm bảo tính công bằng và đúng đắn trong việc áp dụng hình phạt cho từng người tham gia vào tội phạm.

**2.3 Thực tiễn áp dụng pháp luật vào giải quyết các vụ án có yếu tố đồng phạm**

Trong thực tiễn, những vụ án có yếu tố đồng phạm xuất hiện nhiều, trong những vụ án lớn. Việc thực tiễn áp dụng chế định đồng phạm vào những vụ án như trên thể hiện qua những ví dụ sau:

Ví dụ đầu tiên có thể kể đến vụ án Vạn Thịnh Phát gần đây, với số lượng đồng phạm tham gia là 85. Bà Trương Mỹ Lan được xác định là chủ mưu hay người tổ chức trong phân loại đồng phạm. Toàn án xét Trương Mỹ lna và 84 đồng phạm còn lại có cùng tội có hành vi sai phạm gây thiệt hại cho ngân hàng Sài Gòn ( SCB ). Ngoài ra trong vụ án trên các cá nhân còn bị truy tố thêm các tội riêng khác, trong đó đặc biệt có mười hai người bị truy tố về tội Tham ô tài sản quy định tại khoản 4, Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định người phạm tội chiếm đoạt số tiền từ 1 tỉ đồng trở lên hoặc gây thiệt hại từ 5 tỉ đồng trở lên thì bị phạt từ 20 năm, chung thân hoặc tử hình, gồm Trương Mỹ Lan, Đinh Văn Thành, Võ Tấn Hoàng Văn , Tạ Chiêu Trung, Bùi Anh Dũng, Trương Khánh Hoàng, Trần Thị Mỹ Dung, Hồ Bửu Phương, Nguyễn Phương Anh, Đặng Phương Hoài Tâm, Trương Huệ Vân, Dương Tấn Trước. Mười hai người trên đây có thể coi là đồng phạm thực hiện tội phạm tham ô tài sản. Ta thấy trong thực tiễn xét xử đồng phạm dựa trên căn cứ để xác định đồng phạm đưa nêu trong bộ luật hình sự Việt Nam, ngoài ra đối với mỗi cá nhân còn bị truy tố thêm về những tội khác nếu có nên dù là đồng phạm nhưng vẫn có những mức án phạt khác nhau dựa trên các tội bị truy cứu của từng cá nhân dù là dồng phạm của cùng một tội phạm.

Tiếp theo có thể kể đến vụ khủng bố ở Đắk Lắk, với hơn 100 đồng phạm. Phía sau vụ khủng bố là một tổ chức điểu khiển có tên là MSGI, một tổ chức được hình thành tại Mỹ với mục đích lôi kéo người dân tộc thiểu số kích động bạo lực, biểu tình, bạo loạn vũ trang đòi ly khai, thành lập nhà nước mới. Sau điều tra, xác nhận được người dụ dỗ là Y Mut Mlo, một đối tượng được xác nhận là đối tượng cầm đầu của tổ chức MSGI, người này đã xúi giục Hwuen Eban một người phụ nữ sinh sống ở Đắk Lắk có hiểu nhầm về vấn đề đất đai với hàng xóm và chính quyền địa phương, lợi dụng điều đó Y Mut đẫ lợi dụng Hwuen Eban để tạo ra một đội quân có tên là Đêga gồm nhiều thành viên là người dân sinh sống trong khu vực và những tỉnh lân cận. trong trường hợp này Hwuen Eban, Y Mut Mlo là người tổ chức trong phân loại đồng phạm và đội quân Đêga là người thực hành. Trong phiên tòa xét xử ngày 16/01/2024 Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã tuyên phạt mười án tù chung thân tội khủng bố chống chính quyền, các đối tượng còn lại bị kết án cùng tội với mức phạt từ 20 năm tù cho tới nhỏ nhất là 3 năm 6 tháng, ngoài ra còn có Bị cáo Lê Văn Nghĩa bị kết án tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh trái phép”, bị phạt 2 năm tù. Bị cáo Y Čing Byă bị kết án về tội “Che giấu tội phạm”, bị phạt từ 9 tháng tù giam.

Qua hai ví dụ trên ta có thể thấy trong thực tiễn việc xét xử đồng phạm dựa trên hậu quả chung do hoạt động chung của những người đồng phạm. Ngoài ra trong xét xử, các cá nhân có thể bị truy cứu thêm về những tội khác nếu có, dù là đồng phạm nhưng vẫn sẽ có những mức án khác nhau, do mỗi người đồng phạm đều phải chịu trách nhiệm hình sự độc lập đối với hành vi phạm tội của mình. Điều này thể hiện ở chỗ, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội đến đâu thì áp dụng trách nhiệm đến đó. Người đồng phạm này không phải chịu trách nhiệm hình sự về sự vượt quá của người đồng phạm khác. Ngoài những điều tóa án có thể xem xét thêm về tính chất, và mức đọ tham gia tội phạm, sự khoan hồng của pháp luật Việt Nam, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự.

**C. KẾT LUẬN**

Trong lý luận và thực tiễn, việc áp dụng chế định về đồng phạm theo quy định của Bộ luật Hình sự Việt Nam đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ trật tự xã hội và xử lý các hành vi phạm tội một cách công bằng và hiệu quả. Kết luận tiểu luận về chủ đề này có thể nhấn mạnh những điểm sau:

Đầu tiên là sự quan trọng của chế định đồng phạm. Chế định đồng phạm là một nội dung pháp lý quan trọng nhằm xác định trách nhiệm hình sự của những người liên quan, đảm bảo công bằng và đồng nhất trong xét xử.

Thứ hai, nguyên lý và cơ sở pháp lý. Chế định đồng phạm dựa trên nguyên lý cá nhân phạm tội nhưng nhấn mạnh vai trò của mối liên quan và tương tác giữa các bên tham gia, liên quan tới hành vi phạm tội.

Cuối cùng, ứng dụng thực tiễn. Trong đa số vụ án lớn đều có yếu tố đồng phạm, nên chế định đồng phạm đóng vai trò quan trọng trong thực tiễn truy cứu và xét mức độ trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên vẫn có nhiều trường hợp khó khăn trong xác định đồng phạm. Cần nhiều bằng chứng để chứng minh sự liên quan và trách nhiệm hình sự của từng đối tượng.

# **PHỤ LỤC**

**KẾ HOẠCH PHÂN CÔNG VIẾT TIỂU LUẬN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung hoàn thành** | | **Sinh viên hoàn thành** | **Mức độ hoàn thành** |
| **PHẦN 1. PHẦN MỞ ĐẦU** | | | |
| Nội dung 1: Lý do chọn đề tài, mục tiêu, phương pháp nghiên cứu. | Nguyễn Ngọc Hải | | Tốt |
| **PHẦN 2. NỘI DUNG** | | | |
| Nội dung 2: Lý luận về chế định đồng phạm. | | Vũ Đức Hoàng  Trần Thiên Phúc | Tốt |
| Nội dung 3: Định nghĩa và khái niệm cơ bản. | | Vũ Đức Hoàng | Tốt |
| Nội dung 4: Căn cứ xác định đồng phạm | | Vũ Đức Hoàng | Tốt |
| **Nội dung 5**: Phân loại đồng phạm | | Trần Thiên Phúc | Tốt |
| Nội dung 6: Trách nhiệm hình sự trong đồng phạm. | | Trần Thiên Phúc | Tốt |
| Nội dung 7: Các dạng cụ thể của thực tiễn đồng phạm. | | Nguyễn Hoàng Sơn | Tốt |
| Nội dung 8: Quy định về bổ sung và sửa đổi bộ luật hình sự Việt Nam 2015 vè đồng phạm. | | Nguyễn Hoàng Sơn | Tốt |
| Nội dung 9: Thực tiễn áp dụng pháp luật vào giải quyết các vụ án có yếu tố đồng phạm. | | Quách Thành Khang | Tốt |
| **PHẦN 3. KẾT LUẬN** | | | |
| Nội dung 10: Biên tập lời kết luận. | | Quách Thành Khang | Tốt |
| **TỔNG HỢP NỘI DUNG BÀI TIỂU LUẬN, CHỈNH SỬA HOÀN THIỆN** | | Hà Sinh Cung | Tốt |

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Nguyễn Thụy Hân, Đồng phạm là gì? Quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm <https://thuvienphapluat.vn/chinh-sach-phap-luat-moi/vn/thoi-su-phap-luat/tu-van-phap-luat/42777/dong-pham-la-gi-quyet-dinh-hinh-phat-trong-truong-hop-dong-pham>
2. Nguyễn Thị Xuân, Phân tích các dấu hiệu của đồng phạm? Cho ví dụ về đồng phạm? <https://luatminhkhue.vn/phan-tich-cac-dau-hieu-cua-dong-pham-cho-vi-du.aspx>
3. Nguyễn Thị Xuân, Trình bày các hình thức đồng phạm và cách phân loại đồng phạm?<https://luatminhkhue.vn/trinh-bay-cac-hinh-thuc-phan-loai-dong-pham.aspx>
4. BỘ LUẬT HÌNH SỰ 2015 (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG 2017)<https://daivietluat.vn/vi/bo-luat-hinh-su-2015-sua-doi-bo-sung-2017/>
5. BỘ LUẬT HÌNH SỰ 2015 (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG 2017)<https://daivietluat.vn/vi/bo-luat-hinh-su-2015-sua-doi-bo-sung-2017/>